TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **101**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22-10-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Tấn Thọ.

2. Ông Võ Minh Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại *tham gia phiên toà:*

Ông Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 437/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2019/QĐXX-ST ngày 20 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tố N, sinh năm 1978. (Có mặt)

HKTT: ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Võ Văn D, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/8/2019 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Trần Thị Tố N trình bày:

Chị và anh D cưới nhau vào năm 2000 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống có hạnh phúc, đến tháng 11/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D thường xuyên ăn nhậu, không chăm lo cuộc sống gia đình. Chị N và anh D đã sống

ly thân từ tháng 4/2019 đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Võ Phúc T, sinh ngày 01/01/2002 và Võ Quang V, sinh ngày 09/4/2008. Cháu T đang sống với anh D và cháu V đang sống với chị N. Chị N yêu cầu được nuôi cháu V và để cho anh D tiếp tục nuôi cháu T, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: chị N khai không có.

Vụ kiện đã được Tòa án mở phiên hoà giải nhưng không hoà giải được do anh D không đến. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng: không vi phạm tố tụng. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại. Anh Võ Văn D được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hôn nhân: Chị Trần Thị Tố N và anh Võ Văn D chung sống với nhau vào năm 2000 có đăng ký kết hôn, được Uỷ ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 10/3/2000 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh D và chị N thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nay chị N yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh D. Căn cứ vào lời trình bày của chị N; căn cứ vào biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân của anh D, chị N đã phát sinh và tồn tại nhiều mâu thuẫn, nay chị N nộp đơn xin ly hôn với anh D. Tòa án cũng đã mở phiên hòa giải động viên, tạo điều kiện để hai bên hàn gắn, đoàn tụ trở lại nhưng anh D không đến, có ý thức bỏ mặc cuộc hôn nhân của hai anh chị. Xét thấy, đời sống chung của chị N, anh D không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh D là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: có 02 con chung tên Võ Phúc T, sinh ngày 01/01/2002 và Võ Quang V, sinh ngày 09/4/2008. Tại Biên bản ghi ý kiến con, cháu T muốn sống với

cha, cháu V muốn được sống với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo được quyền và lợi ích của con chung, không nên thay đổi môi trường sống làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của trẻ, nên cần giao cháu T cho anh D và giao cháu V cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con. Về cấp dưỡng nuôi con, do Tòa án không làm việc được với anh D, xem như anh D không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, còn chị N không yêu cầu cấp dưỡng nên hội đồng xét xử không xét đến.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N khai không có nên không xét đến.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: nguyên đơn chị N phải chịu án phí là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 227, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Tố N đối với anh Võ Văn D.

Chị Trần Thị Tố N được ly hôn anh Võ Văn D. Quan hệ hôn nhân của chị N, anh D chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: có 02 con chung tên Võ Phúc T, sinh ngày 01/01/2002 và Võ Quang V, sinh ngày 09/4/2008. Theo ý chí nguyện vọng của cháu T và cháu V nên giao cháu T cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng còn cháu V tiếp tục giao cho chị N nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị N, anh D không yêu cầu nên không xét đến.

Chị N, anh D được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N khai không có, nên không xét đến.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Tố N phải chịu 300.000 đồng. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu số 0005852

ngày 07/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre được khấu trừ vào án phí, chị N đã nộp đủ án phí.

Chị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh D vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA huyện Bình Đại;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Nguyễn Trọng Hiếu

Chị Nhung, anh Dũng được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nhung khai không có, nên không xét đến.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Tố Nhung phải chịu 300.000 đồng. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Nhung đã nộp theo biên lai thu số 0005852 ngày 07/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre được khấu trừ vào án phí, chị Nhung đã nộp đủ án phí.

Chị Nhung được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Dũng vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Tấn Thọ Võ Minh Quang Trần Nguyễn Trọng Hiếu